

## Các văn bản đã ban hành

### PHỦ THỦ TƯỚNG

**NGHỊ ĐỊNH số: 242-TTg ngày 15-5-1958**  
sửa đổi nghị định số 150-TTg ngày  
5-3-1952 đã được sửa đổi do nghị  
định số 225-TTg ngày 22-12-1952  
quy định chính sách tạm thời đối  
với thuốc phiện.

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ nghị định số 150-TTg ngày 5 tháng 3 năm 1952 và nghị định số 225-TTg ngày 22 tháng 12 năm 1952 quy định chính sách tạm thời đối với thuốc phiện;*

*Để khuyến khích nhân dân tham gia việc chống buôn lậu thuốc phiện;*

*Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội thương;*

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.**— Nay sửa đổi điều 8 nghị định số 150-TTg ngày 5 tháng 3 năm 1952, đã được sửa đổi do nghị định số 225-TTg ngày 22 tháng 12 năm 1952, như sau:

**Điều 8.**— « Những người tố cáo và giúp các cơ quan kiểm soát bắt thuốc phiện lậu sẽ được thưởng từ 40% đến 75% số tiền bán thuốc phiện tịch thu ».

**Điều 2.**— Những quy định nào trái với nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.**— Bộ Nội thương và Bộ Tài chính ấn định chi tiết thi hành nghị định này.

**Điều 4.**— Các ông Bộ trưởng Bộ Nội thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

*Hà-nội, ngày 15 tháng 5 năm 1958*

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**NGHỊ ĐỊNH số 246-TTg ngày 17-5-1958**  
ban hành thể lệ dùng súng săn.

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Để bảo vệ tính mệnh tài sản của nhân dân và giữ gìn trật tự trị an chung;*

*Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Công an;*

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.**— Nay ban hành thể lệ dùng súng săn kèm theo nghị định này.

**Điều 2.**— Các Ủy ban Hành chính khu, tỉnh sẽ ấn định cụ thể những vùng nào trong địa phương mình thuộc miền núi và được áp dụng những thể lệ riêng cho miền núi, nói trong thể lệ ban hành theo nghị định này.

**Điều 3.**— Ông Bộ trưởng Bộ Công an và các Ủy ban Hành chính, khu, tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

*Hà-nội, ngày 17 tháng 5 năm 1958*

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

## THẺ LỆ DÙNG SÚNG SĂN

### CHƯƠNG I

#### DÙNG SÚNG SĂN

**Điều 1.**— Súng săn nói trong thể lệ này gồm các loại súng dùng để săn bắn thú rừng chim, như:

— súng săn một và hai nòng cỡ 9, 12, 16, 20, 24... hoặc không có cỡ nhất định, tự động hoặc không tự động;

— súng hỏa mai, súng kíp.

Các loại súng hơi, súng bắn bằng lò xo không thuộc phạm vi quy định của thể lệ này.

Dạn súng săn gồm có:

— dạn súng săn các cỡ 9, 12, 16, 20, 24... hoặc không có cỡ nhất định;

— thuốc súng, hạt nổ dạn súng săn;

— vỏ dạn súng săn đã lắp hạt nổ hoặc đã nhồi thuốc.

**Điều 2.**— Công dân Việt nam từ 18 tuổi trở lên trừ những người nói ở điều 3 sau đây sau khi được Ty, Sở hoặc Khu Công an (ở những khu không có tỉnh) cho phép, được dùng súng săn để săn bắn, bảo vệ hoa màu.

Ngoại kiều cũng có thể được xét và cấp giấy phép dùng súng săn tùy từng trường hợp cụ thể.

**Điều 3.**— Những người sau đây không được dùng súng săn:

— người đương bị truy tố;

— người đương bị quản chế;

- người mất quyền công dân;
- người có can án;
- người có bệnh tật xét ra dùng súng có thể nguy hiểm như mất mồi, tai điếc, mất trí, loạn óc hoặc hay say rượu v.v...

**Điều 4.** — Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày công bố thể lệ này, người có súng săn phải mang súng đến khai và xin phép dùng súng săn tại Ty, Sở hoặc Khu Công an nơi cư trú.

Muốn xin phép dùng súng săn, phải nộp các giấy tờ sau đây:

- một đơn xin phép dùng súng săn;
- một bản lý lịch do Ủy ban hành chính xã hoặc Ban Cán sự hành chính khu phố chứng thực;
- giấy phép mua súng săn, hoặc giấy phép dùng súng săn của chủ cũ và các giấy tờ liên quan nếu có;
- hai tấm ảnh 4×6 mới, nghiêng mặt 2/3, đầu không đội mũ hoặc nón.

Ở những vùng miền núi do Ủy ban hành chính tỉnh hoặc khu quy định, đồng bào không phải thi hành các thủ tục nói trên mà chỉ cần mang súng săn đến khai tại Ủy ban hành chính xã nơi cư trú để xét và cấp giấy phép dùng súng săn.

**Điều 5.** — Giấy phép dùng súng săn có giá trị tối đa là ba năm. Hết thời hạn ấy phải xin đổi giấy phép mới.

Hàng năm từ ngày mùng 1 đến ngày 31 tháng 12 dương lịch, người có giấy phép dùng súng săn phải trình ký kiểm soát vào giấy phép dùng súng săn tại Ty, Sở hoặc Khu Công an nơi cư trú; đồng bào ở những vùng miền núi trình ký kiểm soát tại Ủy ban hành chính xã nơi cư trú. Giấy phép không trình ký kiểm soát hàng năm sẽ không còn giá trị.

Giấy phép mới cấp chưa quá sáu tháng được miễn trình ký kiểm soát năm đầu.

**Điều 6.** — Khi thay đổi nơi cư trú từ tỉnh này, thành phố này sang tỉnh khác, thành phố khác, người có súng săn phải báo cho cơ quan Công an nơi đi và nơi đến biết; đồng bào ở những vùng miền núi báo cho Ủy ban hành chính xã nơi đi và nơi đến biết.

Khi mất giấy phép hoặc mất súng săn, phải trình ngay cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính địa phương và báo cho cơ quan Công an đã cấp giấy phép biết.

Khi súng săn bị hư hỏng không dùng được nữa, phải trả lại giấy phép cho cơ quan quản lý súng nơi cư trú.

Không được cho người khác thuê hoặc mượn súng săn và giấy phép dùng súng săn của mình. Đồng bào ở những vùng miền núi có thể cho

người trong gia đình sử dụng súng săn của mình, nhưng người có súng phải chịu trách nhiệm.

Bất kỳ lúc nào, hệ nhà chức trách yêu cầu người mang súng săn phải xuất trình ngay giấy phép và súng đạn để kiểm soát.

**Điều 7.** — Không được săn bắn trong thành phố, thị xã, thị trấn (trừ vùng ngoại ô) và ở những nơi cấm săn bắn do Ủy ban hành chính tỉnh, khu hoặc thành phố quy định.

Không được bắn súng khi đi trên xe, tàu, thuyền đường chở hành khách.

Không được để đạn trong nòng súng khi ở trên xe, tàu, thuyền, khi đi trong thành phố, thị xã, thị trấn (trừ vùng ngoại ô), khi đến chỗ đông người hoặc vào nơi hội họp công cộng.

## CHƯƠNG II

### MUA, BÁN, SỬA CHỮA SÚNG SĂN

**Điều 8.** — Công dân Việt nam từ 18 tuổi trở lên, trừ những người nói ở điều 3, muốn mua súng săn thì phải có giấy phép của Ty, Sở hoặc Khu Công an nơi cư trú. Đơn xin phép phải nói rõ mục đích mua súng; kèm theo đơn phải có bản khai lý lịch căn cước. Đồng bào ở những vùng miền núi thì được miễn nộp đơn và lý lịch.

**Điều 9.** — Mỗi khi mua, bán hoặc đổi súng săn cho nhau, phải làm chứng từ trình đồn công an hoặc Ủy ban hành chính xã chứng thực. Trong thời hạn 5 ngày ở thành thị và 20 ngày ở nông thôn kể từ ngày mua hoặc đổi súng săn lẫn cho nhau, đương sự phải đến Ty, Sở hoặc Khu Công an xin phép dùng súng săn hoặc xin đổi giấy phép mới.

**Điều 10.** — Không được bán súng săn và thuốc đạn súng săn, không được sửa chữa súng săn cho những người không có giấy phép mua hoặc giấy phép dùng súng săn.

**Điều 11.** — Cấm chế biến các loại súng trận thành súng săn. Cấm lấy thuốc bom, mìn, lựu đạn, đạn của các loại vũ khí quân dụng để làm đạn súng săn.

## CHƯƠNG III

### MANG SÚNG SĂN RA, VÀO NƯỚC, XUẤT NHẬP KHẨU, BUÔN BÁN, CHẾ TẠO SÚNG SĂN VÀ ĐẠN SÚNG SĂN

**Điều 12.** — Người Việt nam cũng như ngoại kiều muốn mang súng săn từ nước ngoài vào nước Việt nam để săn bắn, phải xin phép Bộ Công an nước Việt nam dân chủ cộng hòa, chỉ khi nào có giấy phép mới được mang súng săn vào nước

Việt nam. Muốn mang súng săn ra khỏi nước Việt nam, phải trả lại giấy phép dùng súng săn cho Ty, Sở, hoặc Khu Công an nơi cư trú và phải xin phép mang súng săn ra cửa khẩu.

Tại cửa khẩu phải xuất trình giấy phép, súng săn và thuốc đạn súng săn cho nhà chức trách kiểm soát. Giấy phép mang súng săn và thuốc đạn súng săn ra khỏi nước Việt nam phải trả lại cho cơ quan Công an ở cửa khẩu.

*Điều 13.* — Việc xuất nhập khẩu, buôn bán, chế tạo súng săn và đạn súng săn sẽ có quy định riêng.

#### CHƯƠNG IV

#### ĐIỀU KHOẢN CHUNG

*Điều 14.* — Mỗi khi đăng ký súng săn, đương sự phải nộp một khoản lệ phí như sau:

— 5.000 đồng cho một súng săn cỡ 9, 12, 16 hoặc loại súng có giá trị tương đương;

— 1.000 đồng cho một súng hỏa mai, súng kíp hoặc súng săn cỡ 20 và 24 v.v...

Mỗi lần trình ký kiểm soát vào giấy phép dùng súng săn, hoặc mỗi khi đổi giấy phép mới, đương sự phải nộp một khoản lệ phí như sau:

— 1.000 đồng cho một súng săn cỡ 9, 12, 16 hoặc loại súng có giá trị tương đương;

— 500 đồng cho một súng hỏa mai, súng kíp hoặc súng săn cỡ 20, 24 v.v...

Đồng bào miền núi được miễn nộp các khoản lệ phí nói trên.

*Điều 15.* — Ai không tuân thủ lệ này hoặc dùng súng săn làm điều phi pháp phạm đến trật tự trị an, làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và tính mệnh tài sản của nhân dân, sẽ tùy trường hợp nặng nhẹ mà có thể bị:

— Phê bình cảnh cáo;

— Phạt vi cảnh;

— Rút giấy phép dùng súng săn có thời hạn, hoặc rút hẳn;

— Tịch thu súng săn và thuốc đạn súng săn;  
Truy tố trước tòa án.

*Điều 16.* — Quyền xử lý các trường hợp vi phạm thể lệ định như sau:

— Trưởng, Phó Ty Công an trở lên có quyền rút giấy phép dùng súng săn;

— Ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố có quyền tịch thu súng săn, thuốc đạn súng săn;

— Quyền phê bình, cảnh cáo, phạt vi cảnh hoặc yêu cầu truy tố trước tòa án thì theo luật lệ hiện hành.

\* Ban hành kèm theo nghị định số 246-TTg ngày 17 tháng 5 năm 1958

Hà nội, ngày 17 tháng 5 năm 1958.

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**NGHỊ ĐỊNH số 248-TTg ngày 19-5-1958**  
tổ chức việc kiểm dịch tại các hải cảng, sân bay, cửa khẩu quan trọng khác dọc theo biên giới, nước Việt nam-dân chủ cộng hòa.

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Y tế;  
Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ;

#### NGHỊ ĐỊNH:

*Điều 1.* — Để phòng ngừa những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm truyền từ nước ngoài vào nước Việt-nam dân chủ cộng hòa hoặc từ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra nước ngoài, nay tổ chức việc kiểm dịch tại các hải cảng có tàu thủy, thuyền bè của các nước ra vào, các sân bay có máy bay của các nước qua lại và các cửa khẩu quan trọng khác dọc biên giới nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

*Điều 2.* — Tại các địa điểm nói trong điều 1 tùy theo nhu cầu công tác ở từng nơi, Bộ Y tế đặt những cơ quan kiểm dịch chuyên trách hoặc giao nhiệm vụ kiểm dịch cho cơ quan Y tế địa phương kiêm nhiệm.

*Điều 3.* — Những bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch là những bệnh sau đây:

— Bệnh dịch hạch,

— Bệnh thổ tả,

— Bệnh đậu mùa,

— Bệnh sốt vàng,

— Bệnh sốt phát ban,

— Bệnh sốt hồi quy.

*Điều 4.* — Tất cả những người đi bộ qua biên giới, những phương tiện giao thông vận tải đi từ nước ngoài vào nước Việt nam dân chủ cộng hòa hay từ nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra nước ngoài, những nhân viên, hành khách, hành lý, hàng hóa, súc vật trên các phương tiện giao thông vận tải nói trên đều phải được kiểm dịch. Việc kiểm dịch cho các đối tượng nhập cảnh tiến hành tại hải cảng, sân bay, cửa khẩu đầu tiên khi các đối tượng đó tiến vào nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Việc kiểm dịch cho các đối tượng xuất cảnh tiến hành tại hải cảng, sân bay, cửa khẩu cuối cùng khi các đối tượng đó rời khỏi nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Bộ Y tế quy định những trường hợp được miễn kiểm dịch.

*Điều 5.* — Các cơ quan kiểm dịch có quyền thường xuyên kiểm soát vệ sinh tất cả những cơ sở, nhà cửa, kho hàng, v.v... nằm trong khu vực kiểm dịch do Bộ Y tế quy định cho mỗi địa điểm nói trong điều 1.

*Điều 6.* — Sau khi kiểm dịch hoặc kiểm soát vệ sinh, cơ quan kiểm dịch có quyền đề ra cho